

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/DS-ST
Ngày: 27 - 9 - 2021
V/v “Tranh chấp quyền sử dụng
đất; yêu cầu hủy giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Châu.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Lan;
Bà Nguyễn Thị Kim Cương.

- Thư ký phiên tòa: Bà La Hồng Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2020/TLST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2021/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2021; Thông báo thay đổi thời gian xét xử số: 506/2021/TB-TA ngày 03/8/2021 và số: 542/2021/TB-TA ngày 27/8/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1969; (có mặt)

Nơi cư trú: tổ 8, khóm 7, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

- Bị đơn:

+ Ông Lê Văn H, sinh năm 1992; (có mặt)

+ Ông Lê Văn C, sinh năm 1944; (vắng mặt)

+ Ông Lê Văn T1, sinh năm 1994; (vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: tổ 8, khóm 7, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1996; (vắng mặt)

Nơi cư trú: tổ 8, khóm 7, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Đại diện hợp pháp của ông Lê Văn C, ông Lê Văn T1, bà Nguyễn Thị V: Ông Lê Văn H, sinh năm 1992, nơi cư trú: tổ 8, khóm 7, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang – là đại diện theo uỷ quyền (Giấy uỷ quyền ngày 09/6/2021 tại Ủy ban nhân dân phường M). (có mặt)

+ Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Đặng Thị Hoa R – Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố L. (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 99 đường N, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê Văn T (sau đây gọi tắt là ông T) trình bày:

Ông và ông Lê Văn C là anh em ruột, trước được cha mẹ phân chia cho mỗi người một diện tích đất và đã quản lý sử dụng: ông C sử dụng khoảng 310m², phần của ông khoảng 441,3m². Đến năm 2004, khi có đo đạc đại trà, ông đi vắng nên ông C đã kê khai và chỉ đo luôn cả phần diện tích đất của ông đang sử dụng nên ông C và vợ bà Phạm Thị L đã được Ủy ban nhân dân thành phố L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02990/gA ngày 09/11/2006 của Ủy ban nhân dân thành phố L với diện tích đất 751,30m² (trong đó: 600m² đất ở tại nông thôn; 151,3m² đất trồng cây lâu năm khác), thuộc tờ bản đồ số 44, thửa số 101.

Do bà Lang đã chết nên ông T khởi kiện: Yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02990/gA ngày 09/11/2006 của Ủy ban nhân dân thành phố L và buộc ông C cùng hai con là T1 và H phải có trách nhiệm trả lại phần diện tích đất khoảng 441,3 m² lại cho ông mà ông C đã tự ý kê khai trước đó để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo pháp luật. Nay được biết gia đình ông C đã có văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của bà Lang ngày 03/11/2016: ông H và ông T1 thống nhất giao toàn bộ phần di sản 50% của bà Phạm Thị L để lại cho ông Lê Văn C toàn quyền định đoạt. Và sau đó ông C đã chuyển nhượng một phần diện tích đất cho người khác, hiện ông C còn lại diện tích 612,7m². Do đó, ông xác định lại chỉ yêu cầu ông Lê Văn C có trách nhiệm trả lại đất cho ông phần diện tích đất 424,5m² theo các điểm mốc 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 35 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất của Văn phòng Đăng ký đất đai – chi nhánh L ký duyệt ngày 21/6/2021. Rút lại không yêu cầu ông H và ông T1 cùng có trách nhiệm trả lại đất cho ông như trước đây đã yêu cầu.

Về chi phí tố tụng và đo đạc hiện trạng đất tranh chấp, kể cả phần phát sinh đo đạc lại để tách quyền sử dụng đất ông cũng đồng ý tự nguyện chịu.

Theo bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Văn C do ông Lê Văn H đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Nguồn gốc đất ông Lê Văn C và vợ là bà Phạm Thị L đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2006. Vì trước đây ông C không biết nên đã kê khai đo đạc xin cấp luôn cả phần đất của ông T được cha mẹ tặng cho. Và thực tế ông C trước đây cũng đã có đơn gửi cơ quan có thẩm quyền xin cấp lại quyền sử dụng đất cho đúng nhưng không được giải quyết. Tuy nhiên, sau khi bà Phạm Thị L chết ngày 02/12/2012, hàng thừa kế theo pháp luật của bà Phạm Thị L là ông Lê Văn C, ông Lê Văn T1 và ông Lê Văn H đã có làm Văn bản thoả thuận phân chia di sản thừa kế ngày 03/11/2016 thống nhất giao toàn bộ phần di sản 50% của bà Phạm Thị L để lại cho ông Lê Văn C toàn quyền định đoạt. Sau đó ông Lê Văn C đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Hồ Văn Ngâu và vợ là bà Trần Kim Hoàng diện tích 138,6m² (ONT), số thửa 234 theo hồ sơ số 8645/16. Diện tích phần đất còn lại 461,4m² (ONT), số thửa 101 và 151,3m² (CLN), số thửa 235 thuộc quyền sử dụng đất ông Lê Văn C (đã được ghi nhận tại trang 4 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02990/gA ngày 09/11/2006 của Ủy ban nhân dân thành phố L). Nên hiện nay hai con là ông Lê Văn H, ông Lê Văn T1 không còn quyền lợi và nghĩa vụ gì đối với phần diện tích đất còn lại 612,7m² của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

Do đó, nay đối với yêu cầu khởi kiện của ông T, ông C thống nhất vẫn đồng ý hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông C nêu trên và đồng ý trả lại cho ông T phần diện tích đất 424,5m² theo các điểm mốc 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 35 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai – chi nhánh L ký duyệt ngày 21/6/2021. Đối với phần diện tích đất còn lại, ông C đã cất nhà ở cùng ông T1, ông H thì ông C sẽ làm thủ tục để đăng ký lại quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Bị đơn ông Lê Văn H và là đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lê Văn T1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị V trình bày: Thống nhất ý kiến của ông C do ông H đại diện ủy quyền trình bày, đồng thời xác định ông H, ông T1 và bà Vàng không có ý kiến tranh chấp hay yêu cầu gì trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố L có văn bản số 5247/UBND-NC ngày 01/12/2020 V/v vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án dân sự giữa nguyên đơn ông Lê Văn T và bị đơn ông Lê Văn C: Do điều kiện công tác, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố L không thể tham gia quá trình tố tụng tại Tòa án được, vì vậy xin được phép vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng tại Tòa án các cấp. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố chịu trách nhiệm bởi sự vắng mặt này và đồng ý thực hiện theo nội dung bản án đã có hiệu lực pháp luật.

Các đương sự có mặt thống nhất Bản đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai - chi nhánh L lập ngày 21/6/2021; biên bản định giá tài sản ngày 25/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố L đã lập định giá, không yêu cầu định giá lại.

Tại phiên tòa:

- Ông T có ý kiến: ông xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đã trình bày trước đây đối với ông C và rút lại phần yêu cầu đối với ông H, ông T1.

- Ông H có ý kiến: ông C vẫn thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông T như đã trình bày.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:*

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T đối với ông Lê Văn T1 và ông Lê Văn H.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn T đối với ông Lê Văn C: Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02990/gA ngày 09/11/2006 của Ủy ban nhân dân thành phố L cấp cho ông Lê Văn C, bà Phạm Thị L. Buộc ông Lê Văn C trả lại cho ông Lê Văn T phần diện tích đất 424,5m² tại các điểm mốc 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 35 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai – chi nhánh L lập ngày 21/6/2021.

Ông Lê Văn T, ông Lê Văn C có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kê khai cấp lại quyền sử dụng đất theo quy định.

Ông Lê Văn T chịu toàn bộ chi phí tố tụng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Lê Văn C, ông Lê Văn T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị V cùng ủy quyền cho ông Lê Văn H theo giấy ủy quyền ngày 09/6/2021 tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ Hòa, thành phố L. Việc ủy quyền phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử công nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đại diện Ủy ban nhân dân thành phố L theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về phạm vi yêu cầu của đương sự:

Nguyên đơn ông T khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02990/gA ngày 09/11/2006 của Ủy ban nhân dân thành phố L cấp mang tên Lê Văn C và Phạm Thị L, do bà Lang đã chết nên yêu cầu buộc ông C cùng hai con là T1 và H phải có trách nhiệm trả lại phần diện tích đất khoảng 441,3 m² lại cho ông. Trong quá trình giải quyết vụ án, qua đo đạc hiện trạng và chứng cứ thu thập được, ông T xác định có thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu ông C có

trách nhiệm trả có trách nhiệm trả lại đất cho ông phần diện tích đất 424,5m²; Việc ông T có thay đổi yêu cầu khởi kiện như trên vẫn nằm trong phạm vi khởi kiện ban đầu nên căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án trong phạm vi yêu cầu của đương sự.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Các đương sự tranh chấp quyền sử dụng đất; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, Điều 34 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[4] Về nội dung:

[4.1] Về vị trí đất tranh chấp:

Ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông C có trách nhiệm trả lại cho ông phần diện tích đất 424,5m² mà ông C đã được Ủy ban nhân dân thành phố L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02990/gA ngày 09/11/2006, có xác nhận của Văn phòng Đăng ký đất đai – Chi nhánh L ngày 16/11/2016 ghi nhận bổ sung thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại trang 4.

Vị trí khu đất tranh chấp được thể hiện theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh L lập ngày 21/6/2021, qua đo đạc thực tế, thể hiện:

- Các điểm 2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,35 có DT = 424,5m²

Các đương sự thống nhất Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh L lập ngày 21/6/2021 và biên bản định giá tài sản ngày 25/8/2020.

[4.2] Đối với yêu cầu của nguyên đơn: yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02990/gA ngày 09/11/2006 của Ủy ban nhân dân thành phố L cấp mang tên Lê Văn C và Phạm Thị L do ông C đã tự ý kê khai luôn phần đất ông T được cha mẹ tặng cho; sau khi bà Lang chết, ông H và ông T1 đã thỏa thuận tặng cho ông C kỷ phần được hưởng nên ông T chỉ yêu cầu ông C có trách nhiệm trả có trách nhiệm trả lại đất cho ông phần diện tích đất 424,5m².

Qua yêu cầu khởi kiện của ông T, ý kiến của ông C do ông H đại diện theo ủy quyền và ý kiến các đương sự khác, Hội đồng xét xử xét thấy các đương sự thống nhất nguồn gốc đất tranh chấp là của cha mẹ tặng cho ông T và ông T đã quản lý, sử dụng ổn định. Vì thửa đất của ông C được tặng cho nằm liền kề với thửa đất của ông T, nên năm 2004 ông C đã kê khai đại trà xin cấp quyền sử dụng đất của ông C thì được cơ quan có thẩm quyền lập thủ tục cấp quyền sử dụng đất luôn cả phần đất của ông T. Và ông C đã được Ủy ban nhân dân thành phố L số H02990/gA ngày 09/11/2006, diện tích 751,30 m² (trong đó: 600m² đất ở nông thôn và 152,3m² đất cây lâu năm khác) tờ bản đồ số 44, thửa 101, thửa 235 mang tên Lê Văn C và Phạm Thị L. Sau đó, ông C đã có đơn thể hiện: do trong đo đạc đại trà, có sự nhầm lẫn trong chỉ mốc ranh đất nên đã bao trùm lên phần đất của ông T, yêu cầu cơ quan chức năng xem xét cấp lại cho đúng nhưng không được giải quyết. Như vậy, phần đất tranh chấp là của ông T đang quản lý sử dụng ổn

định nhưng Ủy ban nhân dân thành phố L cấp cho ông C, bà Lang là không đúng đối tượng.

Khi bà Phạm Thị L chết ngày 02/12/2012, hàng thừa kế theo pháp luật của bà Phạm Thị L là ông Lê Văn C, ông Lê Văn T1 và ông Lê Văn H đã có làm Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 03/11/2016 thống nhất giao toàn bộ phần di sản 50% của bà Phạm Thị L để lại cho ông Lê Văn C toàn quyền định đoạt. Sau đó ông Lê Văn C đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Hồ Văn Ngâu và vợ là bà Trần Kim Hoàng diện tích $138,6m^2$ (ONT), số thửa 234 theo hồ sơ số 8645/16. Diện tích phần đất còn lại $461,4m^2$ (ONT), số thửa 101 và $151,3m^2$ (CLN), số thửa 235 thuộc quyền sử dụng đất ông Lê Văn C (đã được Văn phòng Đăng ký đất đai – Chi nhánh L xác nhận ngày 16/11/2016 tại trang 4 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Vì vậy xác định ông Lê Văn H, ông Lê Văn T1 không còn quyền và nghĩa vụ gì đối với phần diện tích đất còn lại $612,7m^2$ của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, thuộc quyền sử dụng đất của ông Lê Văn C.

Nay qua yêu cầu khởi kiện của ông T, ông H đại diện ủy quyền cho ông C cũng thừa nhận có sự nhầm lẫn trước đây khi kê khai đo đạc đất đai trả nên đồng ý với yêu cầu của ông T: hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02990/gA ngày 09/11/2006 do Ủy ban nhân dân thành phố L đã cấp cho ông Lê Văn C, bà Phạm Thị L (có xác nhận của Văn phòng Đăng ký đất đai – Chi nhánh L ngày 16/11/2016 ghi nhận bổ sung thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại trang 4) và đồng ý trả lại cho ông T phần diện tích đất $424,5m^2$ theo các điểm mốc 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 35 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai – chi nhánh L ký duyệt ngày 21/6/2021. Đối với phần diện tích đất còn lại, ông C đã cất nhà ở cùng ông T1, ông H thì ông C sẽ làm thủ tục để đăng ký lại quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật. Đồng thời, ông H, ông T1 và bà Vàng thống nhất ý kiến ông C do ông H đại diện ủy quyền và không có yêu cầu tranh chấp gì trong vụ án. Riêng đối với Ủy ban nhân dân thành phố L không có ý kiến, xin vắng mặt chấp hành theo bản án có hiệu lực của tòa án.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của Lê Văn T là có cơ sở để chấp nhận: Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02990/gA ngày 09/11/2006 do Ủy ban nhân dân thành phố L đã cấp cho ông Lê Văn C, bà Phạm Thị L (có xác nhận của Văn phòng Đăng ký đất đai – Chi nhánh L ngày 16/11/2016 ghi nhận bổ sung thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại trang 4: Diện tích còn lại $461,4m^2$ (ODT) số thửa 101 và $151,3m^2$ (CLN) số thửa 235 cho ông Lê Văn C theo Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số 314 ngày 03/11/2016).

Buộc ông Lê Văn C có trách nhiệm trả lại cho ông Lê Văn T phần diện tích đất $424,5m^2$ theo các điểm mốc 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 35 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai – chi nhánh L ký duyệt ngày 21/6/2021.

Ông Lê Văn T và ông Lê Văn C có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kê khai và đăng ký cấp lại quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

(Đính kèm bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh L lập ngày 21/6/2021).

[4.3] Đối với việc ông T rút lại phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Lê Văn T và ông Lê Văn H. Việc rút yêu cầu khởi kiện của ông T trên cơ sở tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu ông T đã rút.

[5] Về chi phí tố tụng:

Ông T đã nộp 3.718.140 đồng (ba triệu, bảy trăm mười tám nghìn, một trăm bốn mươi đồng) tiền tạm ứng chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản gồm: chi phí đo đạc 2.318.140 đồng theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 0019268 ngày 10/5/2021 của Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh L; chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 19/3/2020: 800.000 đồng và ngày 04/02/2021: 600.000 đồng. Ông T đồng ý tự nguyện chịu phần chi phí tố tụng trên, nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của ông Lê Văn T được chấp nhận nên không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho ông T số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0009961 ngày 15/02/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố L.

Ông Lê Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nhưng do ông C là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí ngày 09/7/2021 nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 9 Điều 26; Điều 34, Điều 37; khoản 1 Điều 147; Điều 157, Điều 165; Điều 166; khoản 1 Điều 228; Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 166, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T đối với ông Lê Văn T1 và ông Lê Văn H.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T đối với ông Lê Văn C.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02990/gA ngày 09/11/2006 do Ủy ban nhân dân thành phố L đã cấp cho ông Lê Văn C, bà Phạm Thị L (có xác

nhận của Văn phòng Đăng ký đất đai – Chi nhánh L ngày 16/11/2016 ghi nhận bổ sung thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại trang 4: Diện tích còn lại 461,4m² (ODT) số thửa 101 và 151,3m² (CLN) số thửa 235 cho ông Lê Văn C theo Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số 314 ngày 03/11/2016).

- Buộc ông Lê Văn C có trách nhiệm trả lại cho ông Lê Văn T phần diện tích đất 424,5m² theo các điểm mốc 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 35 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai – chi nhánh L ký duyệt ngày 21/6/2021.

- Ông Lê Văn T và ông Lê Văn C có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kê khai và đăng ký cấp lại quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

(Đính kèm bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh L lập ngày 21/6/2021).

3. Về chi phí tố tụng:

Ông Lê Văn T tự nguyện chịu số tiền 3.718.140 đồng (ba triệu, bảy trăm mười tám nghìn, một trăm bốn mươi đồng) đã tạm ứng chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn trả lại cho ông Lê Văn T số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0009961 ngày 10/02/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự Thành phố L.

Ông Lê Văn C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV và THA tỉnh;
- Chi cục THA DS thành phố L;
- Cục THA DS tỉnh An Giang;
- Văn phòng;
- Tòa Dân sự;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Minh Châu

